



sǐ qù
死去

verb · to die

Example Sentences

Tā de zǔ fù qù nián sǐ qù le
他的祖父去年死去了。

His grandfather died last year.

Xǔ duō dòng wù zài sēn lín dà huǒ zhōng sǐ qù
许多动物在森林大火中死去。

Many animals died in the forest fire.

Trace each character, then write the word on your own.

死	死	死	死	死	死	死	死	死		
去	去	去	去	去	去	去	去	去		